

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2024/HS-ST

Ngày 28 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Hải; bà Nguyễn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 19/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 06/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐ-HPT ngày 17/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Thị T; sinh ngày 18/4/1984; sinh quán: Xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Minh T1 (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1946; có chồng Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1986 và 02 người con, lớn 11 tuổi, nhỏ 03 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1940; nghề nghiệp: Người già; địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết, sinh sống gần nhà và biết được bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1940, trú tại thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh hiện ở nhà một mình nên vào tối ngày 21/01/2024 Cao Thị T, sinh năm 1984, trú tại thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà N1 để lấy trộm tài sản. Khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi biết bà N1 đi lễ tại nhà thờ Giáo họ H, thôn C, xã S, huyện H sẽ không có ai ở nhà nên T đi bộ sang nhà bà N1 rồi đột nhập vào nhà theo đường cửa chính. Do trước đó đã biết bà N1 thường cất dấu chìa khóa ở chân giường nhà ngoài, nên T đã đi lại lấy chìa khóa mở cửa phòng buồng rồi đi vào trong. T vào

mở cửa tủ sắt, thấy có một chiếc rương bằng gỗ, kích thước (0,45 x 0,17 x 0,27)m hình khối hộp được để phía trong những túi đồ, T bê chiếc rương gỗ xuống rồi đi vào nhà bếp, lấy một thanh gỗ dài khoảng 40cm cạy nắp rương gỗ ra thì thấy bên trong có một túi vải màu đỏ có xéc kéo, T mở túi vải đỏ này ra thì thấy có một túi ni lông màu đen bên trong có cọc tiền Việt Nam đồng với tổng số tiền mặt là 80.000.000đ (gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000đ; 200.000đ); một túi vải nhỏ màu đỏ khác bên trong có một túi ni lông trong suốt được gói kín lại, bên trong có 200USD (đô la Mỹ) và một hộp nhựa đựng vàng màu đỏ bên trong có một chiếc nhẫn vàng 9999 có khối lượng một chỉ. T cầm túi đỏ có chứa tiền và vàng cất vào túi áo rồi bê chiếc rương gỗ đi hướng xuống nhà bếp vớt lại thanh gỗ mà T sử dụng để cạy nắp rương gỗ tại nhà bếp, sau đó đi vòng ra phía sau nhà lên vườn keo gần đồng củi khô và vớt lại rương gỗ cùng ổ khóa phòng của bà N1 tại đây. Sau khi lấy trộm được tài sản T đi về nhà cất dấu số tài sản này vào tủ quần áo rồi đi ra nhà thờ Giáo họ H đi lễ. Đến sáng ngày 22/01/2024, T mở tủ lấy túi vải màu đỏ ra, lấy số tiền Việt Nam đồng bỏ vào trong túi áo ở trong tủ đồ chung. Do sợ bị phát hiện nên T đã lấy túi ni lông có chứa số tiền 200USD (đô la Mỹ), chiếc hộp nhựa có chứa chiếc nhẫn vàng và hai chiếc túi vải màu đỏ mang ra khu vực nhà bếp và đốt hai chiếc túi vải cùng tiền đô la, nhẫn vàng trong bếp lửa. Khoảng một tiếng sau khi lửa cháy hết thì T tìm chiếc nhẫn vàng, thấy chiếc nhẫn vàng chưa cháy nên T lấy ra rồi bóp méo biến dạng chiếc nhẫn và bỏ vào một túi ni lông khác (vỏ bao mì tôm) gói lại mang ra thùng rác vớt. Sau đó T lấy số tiền trộm được của bà N1 rút ra tổng số tiền là 10.500.000đ và sử dụng chi tiêu cá nhân hết 1.000.000đ, còn 9.500.000đ thì T giữ riêng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 22/01/2024 sợ bị phát hiện nên T đã lấy số tiền Việt Nam đồng còn lại là 69.500.000đ, do T lấy trộm được của bà N1 trước đó bỏ vào một chiếc túi ni lông màu đen rồi đi lên vườn keo sau nhà bà N1, bỏ túi ni lông màu đen lên bó củi khô trên vườn keo rồi đi về nhà. Đến ngày 23/01/2024 biết hành vi của mình đã bị Cơ quan chức năng phát hiện và biết không thể trốn tránh được pháp luật nên T đã đến Cơ quan Công an xin đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp số tiền 9.500.000đ và 01 chiếc nhẫn vàng đã bị bóp méo, biến dạng.

Theo Kết luận giám định số 1895/KL-KTHS, ngày 19/3/2024 của V - Bộ C có kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng bị biến dạng gửi giám định có khối lượng 3,74gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,95%.

Tại Kết luận định giá số 13/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 29/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện H kết luận: Một chiếc nhẫn vàng 9999, khối lượng một chỉ có giá trị là 6.800.000đ; một chiếc khóa, nhãn hiệu LOCK, bằng kim loại màu đen, phần móc khóa bằng kim loại màu xám trắng kèm theo 01 chiếc chìa khóa, đã cũ và đã qua sử dụng có trị giá là 15.000đ và một chiếc rương bằng gỗ, kích thước (0,45 x 0,17 x 0,27)m, rương đã bị cạy mở nắp phần trên, đã cũ và đã sử dụng, bên trong không có tài sản gì có trị giá là 15.000đ. Tổng giá trị các tài sản nói trên là 6.830.000đ.

Tại Công văn số 126 ngày 01/3/2024 của Ngân hàng N2, Chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trả lời về tỷ giá tiền mặt USD vào ngày 21/01/2024: 200 USD (đô la Mỹ) mua tiền mặt là 4.879.000đ.

- Vật chứng thu giữ: 01 chiếc túi bóng màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc phong bì đã được niêm phong, trên mép phong bì có các chữ ký của những người liên quan và dấu tròn đỏ của V - Bộ C, bên trong phong bì có một chiếc nhẫn vàng bị biến dạng có khối lượng 3,74 gam. Toàn bộ những vật chứng này đã được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh để chờ xử lý theo quy định.

Một chiếc rương gỗ, kích thước (0,45 x 0,17 x 0,27)m, rương đã bị cạy mở nắp phần trên, đã qua sử dụng, bên trong không có tài sản gì; Một chiếc ổ khóa, nhãn hiệu LOCK, bằng kim loại, màu đen, phần móc khóa bằng kim loại màu xám trắng đã bị mở (không có chìa khóa), đã qua sử dụng; Số tiền 69.500.000đ gồm nhiều mệnh giá khác nhau, tiền Ngân hàng N3 phát hành cùng 02 chiếc túi ni lông, màu đen, đã qua sử dụng; Số tiền 9.500.000đ gồm nhiều mệnh giá khác nhau, tiền Ngân hàng N3 phát hành. Toàn bộ những vật chứng này, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Về bồi thường dân sự: Bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu bị cáo Cao Thị T bồi thường 200 UDS (đô la Mỹ), 01 nhẫn vàng loại 9999 có khối lượng 01 chỉ và số tiền 1.000.000đ. Bị cáo Cao Thị T đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-HS ngày 18/4/2024 của Viện trưởng VKSND huyện H truy tố bị cáo Cao Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Cao Thị T đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung trên. Bị cáo không kêu oan, không tranh luận gì mà xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Nguyễn Thị N1 có ý kiến về trách nhiệm dân sự bà đã được bồi thường đầy đủ nên không còn yêu cầu gì; về trách nhiệm hình sự xét thấy bị cáo phạm tội mang tính nhất thời chứ bản thân bị cáo từ trước tới nay có quan hệ hàng xóm rất tốt với bị hại, sau khi phạm tội thì bị cáo đã rất ăn năn, hối cải về việc làm của mình, do đó bị hại đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện chăm sóc con cái, xây dựng gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Cao Thị T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Thị T từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; về vật chứng đề nghị giao 01 chỉ vàng đã bị biến dạng cho Cao Thị T sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Cao Thị T đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 19 giờ, ngày 21/01/2024, lợi dụng bà Nguyễn Thị N1 đi lễ nhà thờ, không có ai ở nhà, Cao Thị T đã lén lút đột nhập vào nhà bà N1 để lấy trộm số tiền 80.000.000đ; 200 USD (đô la Mỹ) trị giá tương đương với số tiền Việt Nam đồng (VNĐ) tại thời điểm ngày 21/01/2024 là 4.943.000đ; một chiếc nhẫn vàng 9999, khối lượng một chỉ có giá trị là 6.800.000đ; một chiếc rương gỗ kích thước (0,45 x 0,17 x 0,27)m, rương đã bị cạy mở nắp phần trên, đã qua sử dụng có giá trị là 15.000đ; một chiếc ổ khóa, nhãn hiệu LOCK, bằng kim loại màu đen, phần móc khóa bằng kim loại màu xám trắng kèm theo 01 chiếc chìa khóa, đã cũ và đã qua sử dụng có trị giá 15.000đ. Tổng giá trị các tài sản bị cáo Cao Thị T lấy trộm là 91.773.000đ. Với giá trị tài sản bị cáo lấy trộm như trên thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số: 31/CT-VKS-HS ngày 18/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội thì bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bị hại; bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo vốn là hàng xóm với bị hại và từ trước đến nay có quan hệ rất tốt với nhau nhưng chỉ vì suy nghĩ nông nổi nên đã nhất thời phạm tội, sau khi phạm tội thì mặc dù chưa bị phát hiện nhưng bị cáo cũng đã có rất nhiều hành động thể hiện sự ăn năn, hối cải của mình thể hiện qua việc lấy tiền trộm được của bà N1 trước đó bỏ vào một chiếc túi ni lông màu đen rồi đi lên vườn keo sau nhà bà N1, bỏ túi ni lông màu đen lên bó củi khô trên vườn keo rồi sau đó bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng là đủ nghiêm, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật cũng như để cho bị cáo có điều kiện được chăm sóc các con còn nhỏ, xây dựng gia đình.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Vật chứng của vụ án đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật và không có ai khiếu nại nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với 01 chiếc túi bóng màu đen, đã qua sử dụng hiện không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc bì thư đã được niêm phong, trên mép phong bì có các chữ ký của những người liên quan và dấu tròn đỏ của V - Bộ C, bên trong bì thư có 01 chiếc nhẫn vàng bị biến dạng có khối lượng 3,74gam. Xét thấy hiện chiếc nhẫn vàng này bị cáo lấy trộm của bị hại, nhưng hiện nay bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại (bị cáo đã mua 01 chỉ mới trả cho bị hại vì bị hại không đồng ý lấy chỉ vàng bị cáo đã lấy trộm do đã bị biết dạng) và bị hại không còn yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, cần áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để giao quyền sở hữu chiếc nhẫn này cho bị cáo là phù hợp và có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị về tội danh, mức hình phạt và biện pháp tư pháp là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Thị T phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Cao Thị T 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Cao Thị T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trường T2, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù

3. Biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc túi bóng màu đen, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Cao Thị T 01 chiếc nhẫn vàng bị biến dạng có khối lượng 3,74gam được đựng trong 01 chiếc bì thư đã được niêm phong, trên mép phong bì có các chữ ký của những người liên quan và dấu tròn đỏ của V - Bộ C.

(Tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Cao Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Công an huyện Hương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Hương Sơn;
- THA Hình sự;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Đạt